

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9**

**Năm học 2015 – 2016**  
**Thời gian làm bài: 45 phút**  
*(không kể thời gian phát đề)*

**Câu 1: (2 điểm)** Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết:

- Lãnh thổ nước ta phân hóa thành các vùng kinh tế nào?
- Vùng kinh tế nào không giáp biển?

**Câu 2: (2 điểm)** Dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

- Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- Cho biết điều kiện tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có những khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế, xã hội?

**Câu 3: (3 điểm)** Qua bảng: Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực trên đầu người ở Đồng bằng sông Hồng (%), em hãy:

	<b>1995</b>	<b>1998</b>	<b>2000</b>	<b>2002</b>
Dân số	100,0	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực	100,0	117,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người	100,0	113,8	121,8	121,2

- Vẽ biểu đồ đường thể hiện sự gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- Nêu các biện pháp để gia tăng sản lượng lương thực bình quân đầu người ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 4: (3 điểm)**

Em hãy cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng kinh tế biển như thế nào?

**HẾT**

*(Học sinh không sử dụng Atlas Địa lí)*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**  
**KIỂM TRA HỌC KỲ I - MÔN: ĐỊA LÝ 9**

	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>Câu 1: (2 điểm)</b> Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết:		
a. Lãnh thổ nước ta phân hóa thành các vùng kinh tế nào?	HS kể đủ 7 vùng kinh tế.	1,75
b. Vùng kinh tế nào không giáp biển?	Vùng Tây Nguyên (học sinh kể dư vùng : 0 điểm)	0,25
<b>Câu 2: (2 điểm)</b> Em hãy:		
a. Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.	- Thuận lợi giao lưu kinh tế-xã hội với vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, với Trung Quốc, Lào và một số nước khác qua vịnh Bắc Bộ. - Lãnh thổ giàu tiềm năng.	0,75 0,25
b. Cho biết điều kiện tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có những khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?	- Địa hình bị chia cắt. - Thiên tai: bão, lũ quét, xói mòn đất, sạt lở đất, thời tiết diễn biến thất thường. - Khoáng sản có trữ lượng nhỏ và điều kiện khai thác phức tạp,	0,25 0,5 0,25
<b>Câu 3: (3 điểm)</b> Qua bảng : Tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực trên đầu người ở Đồng bằng sông Hồng (Đơn vị: %).		
a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện sự gia tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở vùng Đồng bằng sông Hồng.	a. Vẽ biểu đồ: HS vẽ đúng và đẹp, chú thích rõ ràng. Thiếu tên biểu đồ: - 0.25 đ. Thiếu đơn vị ở đầu trục: - 0,25 đ Thiếu số liệu mỗi đối tượng - 0,25 điểm – tối đa - 0.5 đ. Vẽ thiếu đường - 0.75 đ/ đường Chia sai tỉ lệ trục tung - 0,5 đ → 1 đ	2,5
b. Nêu các biện pháp để gia tăng sản lượng lương thực bình quân đầu người ở vùng Đ/b sông Hồng.	- Tăng sản lượng lương thực - Giảm tỉ lệ tăng dân số.	0,25 0,25
<b>Câu 4 : (3 điểm)</b> Em hãy cho biết:		
a. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng kinh tế biển như thế nào?	- Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản: mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là mực, tôm, cá đông lạnh. - Nghề làm muối (Cà Ná, Sa Huỳnh), chế biến thủy sản phát triển (nước mắm Nha Trang, Phan Thiết). - Phát triển du lịch biển: Non Nước, Nha Trang, Mũi Né. . . - Khai thác khoáng sản: cát thủy tinh, Titan. - Đã xây dựng niều cảng biển: Quy Nhơn, Nha Trang . . . → giao thông biển và xuất khẩu. - Các trung tâm kinh tế đều là các thành phố biển: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.	0,5 0,5 0,5 0,25 0,5 0,5 0,25